

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân

2. Bà Ngô Thị Thời

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hải – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Đội 3, khu PT, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện ở: Đội 2, khu PT, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (chị Th có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Đội 3, khu PT, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th đều trình bày: Chị và anh Bùi Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã TK (nay là phường TK, TP. Hải

Dương). Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên uống rượu bia sau đó xúc phạm chị và ghen tuông vô cớ, anh H còn đánh chị nhiều lần, chị có khuyên nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn giữa chị và anh H cũng đã được gia đình hai bên và khu dân cư hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ đầu năm 2018 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bế con gái về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có bất kỳ biện pháp nào đoàn tụ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quang M sinh ngày 24/02/2010 hiện đang ở với anh H và Bùi Thị D sinh ngày 08/4/2012 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu D còn để anh H nuôi cháu M. Bản thân cháu M có nguyện vọng được ở với anh H chị hoàn toàn đồng ý. Hiện tại chị làm công nhân giày da thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con và có nơi ăn ở thuận tiện nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải cũng như quá trình tố tụng bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh H xác nhận lời trình bày của chị Th về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Th trình bày là đúng. Anh H xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, không hòa thuận, tình cảm không có, không tin tưởng lẫn nhau, không chia sẻ quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình và khu dân cư hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Khoảng từ đầu năm 2018 đến nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Th đã bế con gái về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh và chị Th đã sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm, không ai quan tâm đến ai cũng như không có trách nhiệm gì với nhau và không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ. Tuy nhiên chị Th xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận như chị Th trình bày là đúng, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quang M sinh ngày 24/02/2010 hiện đang ở với anh và Bùi Thị D sinh ngày 08/4/2012 hiện đang ở với chị Th. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu M còn để chị Th nuôi cháu D. Hiện anh làm thợ xây thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 31/7/2018 ông Bùi Xuân Ngọc (là bố đẻ anh H) cung cấp: chị Th và anh H mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do anh H uống rượu và ghen tuông vô cớ, gia đình hai bên cùng chính quyền khu dân cư hòa giải nhưng không có kết quả.

Tòa án xác minh tại khu dân cư ngày 31/7/2018 ông Nguyễn Văn Liên trưởng khu PT cung cấp, anh H và chị Th có nhiều mâu thuẫn đã nhờ khu dân cư hòa giải nhưng không có kết quả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2018 ông Nhật là bố đẻ chị Th xác nhận mâu thuẫn của anh H và chị Th trầm trọng, anh H thường xuyên xúc phạm, chửi, đánh chị Th khiến chị Th phải bế con về nhà ông sinh sống gần một năm nay.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung Bùi Thị D còn để anh H nuôi con chung Bùi Quang M khi ly hôn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/2012. Giao cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Quang M, sinh ngày 24/02/2010; thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển 01, do UBND xã TK (nay là phường TK), thành phố Hải Dương cấp ngày 27/4/2009 thì chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nguyễn Thị Th có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn H, do bị đơn anh H cư trú tại phường TK, TP. Hải Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nhưng chỉ đến tham gia phiên họp công kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần còn lần 3 anh H không đến nên không tiến hành hòa giải được. Mặc dù anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đồng thời Tòa án niêm yết công khai tại nơi cư trú của anh H và tại Ủy ban

nhân dân phường TK nơi anh H cư trú và tại Trụ sở Tòa án các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác với Tòa án. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án và quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh H không có mặt, Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh H và tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường TK, TP. Hải Dương, tại trụ sở Tòa án nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TK (nay là phường TK, TP. Hải Dương) nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chị Th và anh H sống chung với nhau giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không quan tâm, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau, anh H hay rượu chè, ghen tuông với chị, gia đình và địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*” nhưng giữa vợ chồng chị Th và anh H đã không có sự thương yêu, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Từ đầu năm 2018 đến nay, chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân, cả hai đều không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, không hòa thuận, tình cảm không có, không tin tưởng lẫn nhau, không chia sẻ quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Khoảng từ đầu năm 2018 đến nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh và chị Th đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm, ăn riêng, sinh hoạt riêng và không quan tâm có trách nhiệm gì với nhau. Mặc dù anh không có biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Th xin ly hôn anh không đồng ý điều đó chứng tỏ giữa anh H và chị Th không còn tình cảm với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay anh H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và không đưa ra

được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh H không còn, mâu thuẫn giữa chị Th và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh H có 02 con chung là Bùi Quang M, sinh ngày 24/02/2010 hiện đang ở với anh H và Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/2012 đang ở với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi cháu M có nguyện vọng ở cùng anh H, anh H có nguyện vọng nuôi cháu M. Chị Th có nguyện vọng nuôi cháu D. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của các đương sự là chính đáng. Do hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, để đảm bảo điều kiện ăn học, phát triển lành mạnh của con chung cần giao cho chị Th nuôi con chung Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/2012. Giao cho anh H nuôi con chung Bùi Quang M, sinh ngày 24/02/2010; thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp. Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 171, Điều 177, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/2012. Giao cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Quang M, sinh ngày 24/02/2010. Thời gian nuôi dưỡng từ tháng 11/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Chị Th và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Th đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002434 ngày 28/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND TP. Hải Dương;
- Các đương sự (nguyên, bị đơn);
- UBND phường TK, TP. Hải Dương ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương (án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh